TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/02/2019
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy
2. Ông Nguyễn Văn Thắng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Cẩm Thu, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Tính– Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 506/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018, về vụ "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1996 (Có mặt)
Nơi cư trú: ấp CX, xã HH, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1986 (Vắng mặt)
Nơi cư trú: ấp LH, xã TA, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2018, bản khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Cẩm H trình bày: Chị với anh Nguyễn Thanh T quen biết và tìm hiểu nhau khoảng một tháng thấy hợp ý nên quyết định tiến đến hôn nhân và được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện C, tỉnh Trà Vinh cùng năm 2017. Nữ trang cưới bên anh T tặng chị tổng cộng là 10 chỉ vàng 24Kra (gồm bông tai 01 chỉ, dây chuyền 04 chỉ, lắc tay 05 chỉ) và nhẫn cưới 05 phân vàng 18kra. Quá trình chung

sống vợ chồng đã thống nhất bán hết số vàng cưới để chi tiêu chung hiện không còn. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng sáu tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tin tưởng nhau, anh T hay ghen dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cải nhau làm cho cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên từ tháng 03/2018 vợ chồng đã ly thân mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng và không thể tiếp tục cuộc sống chung với anh T, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt trong các phiên họp. Tuy nhiên, tại bản tự khai và tại biên bản tiếp xúc đương sự ngày 07 tháng 01 năm 2019 anh T có lời trình bày về việc kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, về con chung, về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả như chị H trình bày. Anh xác định không còn tình cảm với chị H nên đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm H.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Thanh T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt của anh.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Càng Long:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm H chấp hành nghiêm quyền, nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn anh Nguyễn Thanh T chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình, không có mặt tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ. Tại phiên tòa, anh T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt của anh. Do đó căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị H. Cho chị Nguyễn Thị Cẩm H được ly hôn anh Nguyễn Thanh T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung phải thu phải trả chị H và anh T khai không có nên đề nghị không xem xét; Về án phí buộc chị H phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Chị Nguyễn Thị Cẩm H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T có nơi cư trú tại ấp LH, xã TA, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án *"Ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[2] Anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt của anh. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt anh Tâm.

[3] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Cẩm H và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện kết hôn vào năm 2017, hôn nhân của chị H và anh T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TA, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 41 vào ngày 26 tháng 4 năm 2017. Do đó, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân của chị H và anh T là hợp pháp.

[4] Thời gian chị H và anh T chung sống hạnh phúc được khoảng sáu tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tin tưởng và thường xuyên cự cải nhau dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc nên kể từ tháng 03 năm 2018 chị H và anh T đã ly thân, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh T và yêu cầu được ly hôn với anh T, anh T thống nhất ly hôn với chị H.

[5] Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nữa. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định " Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;…. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, …" Nhưng khi mâu thuẫn xảy ra chị H và anh T không tìm giải pháp khắc phục mà ly thân mỗi người sống một nơi không còn quan tâm gì đến nhau. Do đó việc chị H xin ly hôn với anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về con chung, tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả:* Chị H và anh T khai không có, Hội đồng xét xử không xét.

[8] *Về án phí*: Chị H là nguyên đơn khởi kiện nên có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm H được ly hôn anh Nguyễn Thanh T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị H và anh T khai không có, Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm H phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/001856 ngày 26/11/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu, chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Nguyễn Thị Cẩm H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã TA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trang